

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 186/2023/DS-PT
Ngày 22-5-2023
V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài
sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Mai
Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng
Ông Nguyễn Trung Dũng

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 16 và 22 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 41/2023/TLPT-DS ngày 16 tháng 02 năm 2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 152/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1956. Địa chỉ: số 75 (55B cũ), đường P, tổ 13, khu phố 3, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Ngô Văn T, sinh năm 1985. Địa chỉ: số 38/10/6B, đường T, phường T, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy ủy quyền ngày 26/3/2020), có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Huỳnh Thị Ngọc H, sinh năm 1957. Địa chỉ: số 26, đường P, khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Việt H1, sinh năm 1977. Địa chỉ: số 535, Đại lộ B, tổ 2, khu 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương (theo hợp đồng ủy quyền ngày 28/11/2020), có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Ngô Văn T trình bày:

Do nguyên đơn và bị đơn là người thân quen trong gia đình và nguyên đơn biết bị đơn là người chuyên làm dịch vụ đáo hạn ngân hàng nên khi bị đơn hỏi vay tiền nguyên đơn để làm ăn với thỏa thuận lãi suất 6%/tháng thì nguyên đơn đồng ý và nguyên đơn đã cho bị đơn vay tổng cộng số tiền 15.800.000.000 đồng. Cụ thể:

- Ngày 07/8/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 22/8/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.800.000.000 đồng;
- Ngày 21/10/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.500.000.000 đồng;
- Ngày 04/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 800.000.000 đồng;
- Ngày 08/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 2.000.000.000 đồng;
- Ngày 09/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 2.000.000.000 đồng;
- Ngày 12/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 2.000.000.000 đồng;
- Ngày 13/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 16/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.000.000.000 đồng;
- Ngày 23/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.700.000.000 đồng;
- Ngày 28/11/2019 nguyên đơn cho bị đơn vay 1.000.000.000 đồng;

Từ thời điểm mượn tiền đến nay thì bị đơn mới trả được cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Nguyên đơn đã thông báo và yêu cầu bị đơn trả nợ gốc và nợ lãi cho nguyên đơn nhiều lần nhưng bị đơn tránh né và cố tình không trả tiền cho nguyên đơn.

Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 14.800.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 01/5/2020 cho đến ngày 01/9/2022.

Ngày 04/5/2021, Tòa án thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn số 55A/2021/TLST-DS nội dung như sau: buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H tổng số tiền là 9.266.160.000 đồng; trong đó: tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 19 tháng, kể từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là 1.266.160.000 đồng. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý; bị đơn trình bày thanh toán nợ bằng tiền mặt 6.263.500.000 đồng thì không có căn cứ; đối với các giấy nộp tiền vào tài khoản của nguyên đơn trước ngày 07/8/2019 là tất toán xong các khoản vay trước đó và đã xé bỏ các Giấy vay mượn, từ sau ngày 07/8/2019, bị đơn có chuyển khoản cho nguyên đơn tổng số tiền là 370.000.000 đồng và số tiền này là trong khoản 1.000.000.000 đồng tiền gốc mà bị đơn đã trả.

Tại đơn yêu cầu phản tố của bị đơn đề ngày 23/4/2021, biên bản hòa giải và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt đề ngày 18/8/2022, bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, ông Lê Việt H1 trình bày:

Trước toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bị đơn không đồng ý. Bởi vì: Thực tế là nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ vay mượn tiền qua lại nhưng việc vay mượn tiền này được thiết lập từ năm 2017 chứ không phải từ năm 2019 như trình bày của nguyên đơn. Từ năm 2017 đến tháng 10/2019, bị đơn đã đưa cho nguyên đơn tổng số tiền 8.000.000.000 đồng, trong đó chuyển khoản là 1.736.500.000 đồng và đưa tiền mặt là 6.263.500.000 đồng.

Nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền thông qua chứng cứ là 11 giấy mượn tiền được thiết lập từ ngày 07/8/2019 đến ngày 28/11/2019 mà không đề cập đến khoản tiền 8.000.000.000 đồng bị đơn đã đưa cho nguyên đơn là không đúng thỏa thuận giữa nguyên đơn với bị đơn, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn.

Ngày 23/4/2021, bị đơn có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn như sau: Buộc nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H tổng số tiền là 9.266.160.000 đồng; trong đó: tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính là 19 tháng, kể từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là 1.266.160.000 đồng.

Ngày 18/8/2022, trong đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: vì có lý do là bận công việc thường xuyên và học nâng cao tại Hà Nội, không thể có mặt trong quá trình giải quyết vụ án; đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần; đối với yêu cầu phản tố của bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A đối với bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H có trách nhiệm thanh toán cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A tổng số tiền 18.364.333.000 đồng (mười tám tỷ ba trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), trong đó: Nợ gốc là 14.800.000.000 đồng (mười bốn tỷ tám trăm triệu đồng) và số tiền lãi phát sinh là 3.564.333.000 đồng (ba tỷ năm trăm sáu mươi bốn triệu ba trăm ba mươi ba nghìn đồng).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A về việc bà H yêu cầu bà A thanh toán số tiền 9.266.160.000 đồng (chín tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng). Trong đó: Tiền gốc là 8.000.000.000 đồng (tám tỷ đồng) và lãi suất phát sinh với số tiền 1.266.160.000 đồng (một tỷ hai trăm sáu mươi sáu triệu một trăm sáu mươi nghìn đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ nộp án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17 tháng 10 năm 2022 bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại phiên tòa phúc thẩm.

Về nội dung:

* Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về yêu cầu tiền gốc:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trả số tiền nợ gốc 14.800.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm là 3.564.333.000 đồng. Bà A cung cấp chứng cứ là các giấy vay tiền.

Bà H không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà A, đồng thời có đơn yêu cầu phản tố buộc bà A phải trả cho bà H số tiền nợ gốc 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là 1.266.160.000 đồng. Bà H cung cấp chứng cứ là Bảng kê chuyển khoản kèm theo giấy nộp tiền.

Xét các giấy mượn tiền do nguyên đơn cung cấp có nội dung bà H mượn tiền bà A vào các ngày cụ thể như sau: ngày 07/8/2019 số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 22/8/2019 số tiền 1.800.000.000 đồng; ngày 21/10/2019 số tiền 1.500.000.000 đồng; ngày 04/11/2019 số tiền 800.000.000 đồng; ngày 08/11/2019 số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 09/11/2019 số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 12/11/2019 số tiền 2.000.000.000 đồng; ngày 13/11/2019 số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 16/11/2019 số tiền 1.000.000.000 đồng; ngày 23/11/2019 số tiền 1.700.000.000 đồng; ngày 28/11/2019 số tiền 1.000.000.000 đồng. Các giấy mượn tiền là bản chính, có chữ ký của bà H. Kết luận giám định của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương đã kết luận: Chữ ký viết tên “H” mang tên “Huỳnh Thị Ngọc H” dưới mục “Người mượn” trên các tài liệu cần giám định so với chữ ký viết tên “H” mang tên “Huỳnh Thị Ngọc H” trên các tài liệu mẫu do cùng một người ký ra.

Có căn cứ xác định từ ngày 07/8/2019 đến ngày 28/11/2019, bà H có mượn của bà A tổng số tiền là 15.800.000.000 đồng. Bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã trả số tiền trên cho bà A nên bà A yêu cầu bà H trả số tiền gốc 15.800.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Về yêu cầu tính lãi: Căn cứ các hợp đồng vay tiền, bà A và bà H không có thỏa thuận về thời hạn thanh toán, lãi suất. Ngày 16/4/2020, bà A có văn bản thông

báo và yêu cầu bà H trả nợ nhưng bà H không trả. Bà A yêu cầu tính lãi từ ngày 01/5/2020 đến ngày vụ án đưa ra xét xử sơ thẩm (28/9/2022) với mức lãi suất 10%/năm là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

* Xét yêu cầu phản tố của bị đơn:

- Bà H có đơn yêu cầu phản tố buộc bà A thanh toán tổng số tiền 8.000.000.000 đồng. Bà H cung cấp chứng cứ gồm các giấy nộp tiền vào tài khoản của bà A từ năm 2017 đến tháng 10/2019, kèm theo bảng kê do bà H lập, xác định tổng số tiền bà H chuyển khoản cho bà A là 1.736.500.000 đồng, về số tiền mặt là 6.263.500.000 đồng thì bà H không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bà A thừa nhận có nhận được số tiền 1.736.500.000 đồng do bà H chuyển khoản từ ngày 20/9/2019 đến 28/10/2019. Tuy nhiên, bà A không đồng ý trả với lý do: đó là số tiền bà H trả cho bà A của những lần vay mượn tiền trước ngày 07/8/2019, các bên đã giải quyết xong và đã xé bỏ bản gốc các giấy vay mượn. Xét thấy, bà A không cung cấp được các giấy vay mượn tiền trong thời điểm từ năm 2017 đến tháng 10/2019; bà H không đồng ý với lời trình bày của bà A. Do đó, yêu cầu phản tố của bà H có cơ sở chấp nhận một phần.

- Về yêu cầu tính tiền lãi: các giấy nộp tiền vào tài khoản của bà A chỉ thể hiện nội dung “CT”, không thể hiện nội dung vay mượn; bà H không có văn bản thông báo, yêu cầu bà A trả tiền. Do đó, bà H yêu cầu tính lãi từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy kháng cáo của bị đơn có cơ sở chấp nhận một phần. Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn thực hiện quyền kháng cáo trong thời hạn luật định; đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc A khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc 14.800.000.000 đồng và lãi suất phát sinh 10%/năm (0,83%/tháng) tính từ ngày 01/5/2020 đến ngày 01/9/2022 theo các giấy mượn tiền bản chính (từ bút lục số 50 đến 60) từ ngày 07/8/2019 đến ngày 28/11/2019 với tổng số tiền 15.800.000.000 đồng. Bị đơn đã thanh toán được 1.000.000.000 đồng còn 14.800.000.000 đồng chưa thanh toán cho nguyên đơn.

[2.2] Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu Tòa án giải quyết buộc nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn tổng số tiền là 9.266.160.000 đồng; trong đó: tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 19 tháng kể từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là 1.266.160.000 đồng.

[2.3] Xét kháng cáo của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

[2.3.1] Theo sự thừa nhận của bị đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có mối quan hệ vay mượn tiền. Đồng thời, theo Kết luận giám định số 361/GĐ-PC09 ngày 09/10/2020 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương (bút lục số 77) kết luận: Chữ ký viết tên “H” mang tên “Huỳnh Thị Ngọc H” dưới mục “Người mượn” trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A11) so với chữ ký viết tên “H” mang tên “Huỳnh Thị Ngọc H” trên các mẫu tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M8) do cùng một người ký ra. Từ kết quả giám định nêu trên, có cơ sở xác định từ ngày 07/8/2019 đến ngày 28/11/2019, bị đơn có ký mượn của nguyên đơn tổng số tiền là 15.800.000.000 đồng. Nguyên đơn thừa nhận từ thời điểm mượn tiền đến nay thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng. Sự thừa nhận của nguyên đơn về việc bị đơn trả 1.000.000.000 đồng là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.3.2] Về lãi suất: Theo các giấy mượn tiền không thể hiện lãi suất, do đó hợp đồng vay tiền của nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng không có thời hạn, không có lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 469 Bộ luật Dân sự. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ nhưng bị đơn không thực hiện, do đó nguyên đơn yêu cầu trả nợ gốc và yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 10%/năm, thời hạn từ ngày 01/5/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (28/9/2022) là 02 năm 04 tháng với số tiền lãi 3.564.333.000 đồng là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 466 Bộ luật Dân sự.

[2.4] Xét kháng cáo của bị đơn về yêu cầu phản tố của bị đơn: bị đơn cho rằng giữa nguyên đơn và bị đơn có vay mượn tiền qua lại từ năm 2017 đến tháng 10/2019. Bị đơn có đưa cho nguyên đơn tổng cộng 8.000.000.000 đồng, do đó bị đơn yêu cầu phản tố buộc nguyên đơn có trách nhiệm thanh toán cho bị đơn tổng số tiền là 9.266.160.000 đồng; trong đó: tiền gốc là 8.000.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính 19 tháng, kể từ tháng 11/2019 đến tháng 5/2021 là 1.266.160.000 đồng. Chứng cứ bị đơn cung cấp là các giấy nộp tiền vào tài khoản nguyên đơn từ năm 2017 đến tháng 10/2019 kèm theo bảng kê do bị đơn lập xác định tổng số tiền bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn là 1.736.500.000 đồng (bút lục 128 - 156). Về số tiền mặt là 6.263.500.000 đồng thì bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đã trả số tiền này.

[2.4.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định nguyên đơn có nhận số tiền 1.736.500.000 đồng nhưng là tiền thanh toán những lần vay mượn tiền trước ngày 07/8/2019, hai bên đã giải quyết xong và đã xé bỏ bản gốc các giấy vay mượn. Tại “đơn yêu cầu phản tố của bị đơn” (bút lục số 124), bị đơn xác định: “Tôi và bà A có vay mượn qua lại là đúng. Việc vay mượn qua lại từ năm

2017, chứ không phải chỉ trong năm 2019 như trình bày của bà A”. Như vậy, bị đơn cho rằng hai bên có vay mượn nợ qua lại nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh mối liên hệ giữa các khoản nợ trong các năm từ 2017 đến năm 2019 và cũng không cung cấp được chứng cứ chốt nợ giữa hai bên vào năm 2017 để chuyển qua giấy nợ năm 2019 làm cơ sở để cân trừ nợ giữa hai bên. Sau khi hai bên ký các giấy nợ (11 giấy) năm 2019 thì hai bên cũng không có bất kỳ văn bản nào xác định khoản tiền thanh toán nợ năm 2017 được cân trừ vào nợ năm 2019. Do đó, chỉ có cơ sở xem xét các khoản tiền bị đơn chuyển cho nguyên đơn sau khi ký các giấy mượn nợ. Các khoản tiền bị đơn yêu cầu nguyên đơn thanh toán là các phiếu chuyển tiền qua ngân hàng, ngoài ra bị đơn cũng không có chứng cứ xác định bị đơn vay nợ nguyên đơn bằng hợp đồng nào hoặc nguyên đơn nợ bị đơn bằng hợp đồng nào nên không có cơ sở xem xét lời trình bày của bị đơn.

[2.4.2] Xét thấy, sau khi ký các giấy mượn tiền năm 2019, bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn từ ngày 20/9/2019 đến 28/10/2019 (mục 25 đến mục 29 trong bảng kê chuyển tiền kèm theo đơn phản tố của bị đơn – bút lục 158-159) 370.000.000 đồng. Ngoài ra, tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn cho rằng ngoài số tiền 1.000.000.000 đồng thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 300.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 07/8/2019 (bút lục 50) và 370.000.000 đồng, tổng cộng 670.000.000 đồng, do đó đề nghị cân trừ 670.000.000 đồng vào nợ gốc 14.800.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không thống nhất trình bày của bị đơn và cho rằng số tiền 670.000.000 đồng là số tiền nằm trong 1.000.000.000 đồng mà nguyên đơn đã cân trừ vào nợ gốc. Ngoài lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bị đơn thì không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh, do đó sự thừa nhận của nguyên đơn xác định bị đơn đã trả 1.000.000.000 đồng thay vì 670.000.000 đồng là chứng cứ có lợi cho bị đơn nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc thừa nhận bị đơn đã trả cho nguyên đơn 1.000.000.000 đồng là phù hợp.

[3] Từ những phân tích trên, xét thấy Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn là phù hợp. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bị đơn. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Ý kiến của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp một phần.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự theo quy định tại điểm d Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Huỳnh Thị Ngọc H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 45/2022/DS-ST ngày 03 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.
3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Huỳnh Thị Ngọc H được miễn án phí.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 22/5/2023)/.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- TAND huyện P;
- Chi cục THADS huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán Thành viên

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Ngọc Mai

